

#### 4-GIẢI THÍCH BÀ-GIÀ-BÀ

KINH: Bà-già-bà (Bhàgavat)

Luận: Sao gọi là Bà-già-bà? Bà già (Bhàga) là đức; Bà (vat) là có. Vậy Bà-già-bà là “Có đức”.

Lại nữa, Bà-già là phân biệt, Bà là khéo. Phân biệt khéo léo tương chung tương riêng của các pháp, nên gọi là Bà-già-bà.

Lại nữa, Bà-già là thanh danh; Bà là có. Vậy Bà-già-bà là có thanh danh. Thanh danh không ai có như Phật. Chuyển luân Thánh vương, Đế-thích, Phạm-thiên, Hộ-thế, không có ai bằng Phật hưởng những người phạm khác. Vì sao? Vì Chuyển luân Thánh vương còn dính mắc với kiết sử, mà Đức Phật thì đã xa lìa kiết sử. Chuyển luân Thánh vương còn chìm trong bùn sanh già bệnh chết; Phật đã qua khỏi. Chuyển luân Thánh vương còn làm tội tố cho ân ái; Phật đã xa lìa vĩnh viễn. Chuyển luân Thánh vương còn ở trong cánh đồng tai họa của thế gian, Phật đã xa lìa. Chuyển luân Thánh vương còn ở trong chỗ vô minh đêm tối, Phật thì ở trong chỗ sáng suốt nhất. Chuyển luân Thánh vương cùng lắm là thống lãnh bốn châu thiên hạ, Phật thì thống lãnh cả vô lượng thế giới. Chuyển luân Thánh vương thì tiền của tự tại, Phật thì tâm tưởng tự tại. Chuyển luân Thánh vương còn tham cầu cái vui cõi Trời, còn Phật cho đến cái vui của cõi Trời Hữu đỉnh cũng không tham đắm. Chuyển luân Thánh vương theo người khác cầu vui, Phật trong tâm tự vui. Vì nhân duyên ấy, Phật hơn Chuyển luân Thánh vương. Các hàng Đế-thích, Phạm-thiên, Hộ-thế cũng lại như vậy, chỉ hơn Chuyển luân Thánh vương chút ít.

Lại nữa, Bà-già là phá; Bà là năng. Vì là người năng phá dâm, nộ, si nên xưng là Bà-già-bà.

Hỏi: Như A-la-hán, Bích-chi Phật cũng phá dâm, nộ, si, với Phật khác gì?

Đáp: A-la-hán, Bích-Chi Phật, tuy phá ba độc nhưng không sạch hết khí phần. Ví như hương ở trong đồ đựng, hương tuy lấy đi mà hơi vẫn còn, lại như lửa đốt cây, cỏ, củi, khói bay mà than vẫn còn, vì sức lửa yếu. Phật dứt hẳn ba độc không còn thừa. Ví như lúc kiếp tận, lửa

đốt núi Tu-di, tất cả đất đai tiêu hết, khói không, than không. Như Xá-lợi-phất còn tập khí sân nhuế, Nan-Đà còn tập khí dâm dục, Tất-lăng Già-bà-ta còn tập khí kiêu mạn. Ví như người bị xiềng chân mới được thả ra đi không vững.

Bấy giờ, Phật từ Thiên định dậy đi kinh hành, La-hầu-la đi theo, Phật hỏi La-hầu-la vì sao gầy ốm? La-hầu-la thưa kệ:

*Nếu người ăn dầu thì có sức,  
Nếu uống sữa tươi thì sắc tốt,  
Nếu ăn mè, rau, không sắc, lức,  
Đại Đức Thế Tôn tự nên biết*

Phật hỏi La-hầu-la: “Trong chúng này ai là Thượng tọa?”. La-hầu-la thưa: “Hòa thượng Xá-lợi-phất”. Phật nói: “Xá-lợi-phất ăn đồ bất tịnh”. Bấy giờ, Xá-lợi-phất nghe nói lại lời ấy, tức thì mưa đồ ăn, và tự thề: “Từ nay không còn nhận lời người thỉnh”.

Khi ấy Vua Ba-tư-nặc, Trưởng giả Tu-đạt-đa v.v...đến chỗ Xá-lợi-phất và nói với Xá-lợi-phất: “Phật không vì vô sự mà nhận lời người thỉnh, Đại đức Xá-lợi-phất cũng không nhận lời thỉnh, thì kẻ cư sĩ áo trắng chúng tôi làm sao có được lòng tin lớn lao thanh tịnh”. Xá-lợi-phất nói: “Phật, Đại sư của chúng tôi nói: Xá-lợi-phất ăn đồ bất tịnh, nay không được nhận lời người thỉnh”.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc v.v...đi đến chỗ Phật, bạch Phật: “Phật không thường nhận lời người thỉnh, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng không nhận lời thỉnh, thì chúng con làm sao có được lòng tin lớn? Mong Phật sắc Tôn giả Xá-lợi-phất trở lại nhận lời người thỉnh”. Phật nói: “Thầy ấy tâm cứng cõi, không thể lay chuyển”.

Bấy giờ, Phật dẫn Nhân duyên Bản sanh: “Xưa có một Quốc vương bị rắn độc cắn, vua sắp chết, gọi các lương y khiến trị độc rắn. Bấy giờ các lương y nói: “Phải làm cho rắn hút lại độc khí mới hết được”.

Khi ấy các lương y đều đọc chú thuật, con rắn đã cắn vua liền đến chỗ vua, các lương y chất củi và đốt lửa lên, bảo con rắn: “Người phải hút lại chất độc của người, nếu không thì sẽ phải nhảy vào lửa”. Rắn độc suy nghĩ: “Ta đã nhả chất độc, làm sao hút lại, thà phải chịu chết!” Tư duy định tâm, liền nhảy vào lửa. Rắn độc lúc ấy chính là Xá-lợi-phất, đời đời tâm cứng cõi không thể lay động.

Lại nữa, Trưởng lão Tất-lăng Già-bà-ta thường bị đau mắt. Ông ấy khi đi khát thực thường đi ngang qua sông Hằng. Khi đến bên dòng sông, ông gảy móng tay mà nói: “Tiểu tỳ, dừng lại đừng cho nước chảy”. Nước liền rẽ làm hai, ông ấy qua được, rồi đi khát thực. Thần sông Hằng đến

chỗ Phật, bạch Phật: “Đệ tử của Phật là Tất-lăng Già-bà-ta thường mắng tôi: “Tiểu tỳ, dừng lại, dừng cho nước chảy”. Phật bảo Tất-lăng Già-bà-ta sám hối thần sông Hằng. Tất-lăng Già-bà-ta tức thì chấp tay mà nói với thần sông Hằng: “Tiểu tỳ chớ giận, nay ta tạ lỗi nhà ngươi”. Khi ấy đại chúng cười nói: “Tại sao tạ lỗi mà lại mắng nữa?” Phật nói với Thần sông Hằng: “Ông thấy Tất-lăng Già-bà-ta chấp tay tạ lỗi chẳng? Tạ lỗi là không có lòng kiêu mạn mà lại nói lời ấy, nên biết không phải là ác. Chẳng qua ông ấy năm trăm đời lại đây, thường sanh trong nhà Bà-la-môn, thường tự kiêu, cho mình cao quý, khinh rẻ người khác, tập khí xưa nay như vậy, nên miệng nói mà tâm không kiêu mạn”.

Như vậy, các A-la-hán tuy dứt kiết sử mà còn có tập khí tàn dư, còn như chư Phật Thế Tôn, hoặc có người lấy dao cắt một cánh tay, hoặc có người lấy hương Chiên-đàn xoa một cánh tay, cũng như con mắt bên phải và con mắt bên trái, tâm Ngài không thương ghét; vì Ngài vĩnh viễn không còn tập khí tàn dư.

Con gái Bà-la-môn tên là Chiên-xà (Cinca) độn cái bát giả mang bầu đến mắng Phật ngay ở giữa đại chúng rằng: “Ông làm cho tôi có thai sao không chịu lo cơm áo cho tôi. Ông là người không biết xấu, mê hoặc thiên hạ”.

Bấy giờ năm trăm thầy Bà-la-môn giơ tay mà xướng lên: “Phải, phải, chúng ta biết việc ấy”. Lúc ấy Phật không đổi sắc, cũng không thẹn thùng. Việc ấy tức thời bị lột trần ra, đất liền động mạnh, chư Thiên cúng dường, rải các danh hoa, tán thán đức của Phật, Phật cũng không có sắc mừng.

Lại nữa, Phật phải ăn thóc của ngựa mà cũng không buồn bực. Thiên vương dâng đồ ăn đủ cả trăm vị, Phật cũng không lấy làm mừng, nhất tâm không hai.

Như thế đó, đủ các thứ ẩm thực, y phục, ngọa cụ, khen, chê, khinh bỉ, cung kính, tâm Ngài vẫn không đổi khác, cũng như vàng thật dù đốt, rèn, đập, mài vẫn không thêm bớt. Vì vậy, cho nên, A-la-hán tuy đoạn kiết sử, đắc đạo, nhưng vẫn còn tàn khí, không được gọi là Bà-già-bà.

Hỏi: “Bà-già-bà chỉ có một danh hiệu ấy hay còn có danh hiệu khác?”.

Đáp: Công đức của Phật vô lượng, danh hiệu cũng vô lượng. Danh hiệu ấy (Bà-già-bà) được dùng hơn cả là do nhiều người biết đến.

Lại có danh hiệu khác như Đa-đà A-già-đà (Tathàgata). Sao gọi Đa-đà A-già-đà (Tathàgata- Như Lai)? Như pháp tướng mà hiểu, như pháp tướng mà giảng thuyết, như Chư Phật theo con đường an ổn mà đi

đến, Phật cũng như vậy đi đến, lại không còn đi đến trong đời sau cho nên gọi là Đa-đà A-già-đà.

Lại có danh hiệu A-la-ha (Arhat). Sao gọi là A-la-ha? A-la là giặc; Ha là giết. A-la-ha gọi là giết giặc, như kệ nói:

*Phật lấy nhẫn làm áo đồng,  
Lấy tinh tấn làm giáp sắt,  
Lấy trì giới làm ngựa hay,  
Lấy thiền định làm cung tốt,  
Lấy trí tuệ làm tên nhọn,  
Ngoài thì phá quân ma vương,  
Trong thì diệt giặc phiền não,  
Ấy gọi là A-la-ha.*

Lại nữa, A là chẳng; La-ha là sanh. A-la-ha là chẳng sanh. Hạt giống Phật tâm không sanh trong thừa ruộng đời sau; vì vô trấu vô minh đã lột rồi.

Lại nữa, A-la-ha là ứng thọ cúng dường. Phật đã trừ hết kiết sử, được Nhất thiết trí tuệ, xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của hết thầy Trời đất chúng sanh, vì thế, Phật cũng gọi là A-la-ha.

Lại có danh hiệu Tam-miệu Tam-Phật-đà (Samyaksam-Buddha). Tại sao gọi là Tam-miệu Tam-Phật-đà? Tam-miệu là Chánh, Tam là biến, Phật-đà là tri. Tam-miệu Tam Phật-đà là Chánh biến tri đối với hết thầy pháp.

Hỏi: Thế nào gọi là Chánh biến tri?

Đáp:

*Biết khổ đúng như tướng khổ,  
Biết tập đúng như tướng tập.  
Biết diệt đúng như tướng diệt,  
Biết đạo đúng như tướng đạo.*

Đó gọi là Tam-miệu Tam Phật-đà.

Lại nữa, biết tướng chơn thật của tất cả Pháp là bất hoại, bất tăng bất giảm.

Tại sao gọi là tướng bất hoại? Con đường tâm tướng nói năng đều đoạn diệt, vượt hơn các pháp, như tướng Niết-bàn bất động. Vì vậy gọi là Tam-miệu Tam Phật-đà.

Lại nữa, hết thầy danh tự của mười phương thế giới, của chúng sanh trong lục đạo, nhân duyên đời trước và chỗ thác sanh trong vị lai của chúng sanh, hết thầy tâm tướng của mười phương chúng sanh, các kiết sử, các thiện căn, các đạo xuất ly, hết thầy các pháp như vậy đều biết.

Ấy gọi là Tam-miêu Tam Phật-đà.

Lại có danh hiệu Bệ-đa Giá-la-na Tam-ban-na (Vidya- Carana-sampana). Tiếng Tần dịch là Minh hạnh túc. Sao gọi là Minh hạnh túc? Túc mạng, Thiên nhân và Lậu tận gọi là Tam Minh.

Hỏi: Thần thông và Minh khác nhau như thế nào?

Đáp: Biết thẳng việc Túc mạng trong quá khứ gọi là Thông; biết hạnh nghiệp nhân duyên trong quá khứ gọi là Minh; biết thẳng chết chỗ này sanh chỗ kia gọi là Thông; biết hạnh nghiệp nhân duyên tập hợp không mất gọi là Minh. Dứt hẳn hết kiết sử mà không biết còn sanh lại hay không sanh gọi là Thông. Nếu biết lậu hoặc dứt hết không còn sanh lại gọi là Minh. Ba Minh này là sở chứng của Đại A-la-hán, Đại Bích Chi Phật.

Hỏi: Nếu như vậy, A-la-hán và Bích Chi có khác gì với Phật?

Đáp: Các vị ấy tuy được Tam minh, mà Minh không đầy đủ, còn Phật đầy đủ hết thảy, nên khác.

Hỏi: Sao là không đầy đủ và sao là đầy đủ?

Đáp: Trí túc mạng của A-la-hán và Bích Chi Phật biết thân mình và thân người khác cũng không thể đủ. Có vị A-la-hán biết một đời, hoặc hai đời, ba đời, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, cho đến tám vạn kiếp, xa hơn thì không còn biết được nữa, thế nên không đầy đủ; Thiên nhân mình biết về đời vị lai cũng như vậy. Phật ngay trong một niệm khi sanh, trụ, diệt, khi các kiết sử phân sanh, khi sanh như vậy, khi trụ như vậy, khi diệt như vậy, các kiết sử do khổ pháp nhãn và khổ pháp trí đoạn diệt, đều biết rõ, biết các kiết sử đã được giải thoát như vậy, được giải thoát về bao nhiêu pháp hữu vi, được giải thoát về bao nhiêu pháp vô vi, cho đến đạo tử nhẫn (đạo loại nhẫn) trong mười lăm tâm thuộc kiến đế đạo (kiến đạo vị) thì hàng Thanh văn và Bích chi Phật không thể giác tri, vì thời gian quá mau đối với họ; biết nhân duyên, lậu tận của chúng sanh quá khứ như thế, biết vị lai, hiện tại cũng thế, nên gọi Phật là Minh hạnh túc.

Hành là thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nhưng chỉ có thân nghiệp, khẩu nghiệp của Phật là hoàn toàn; còn người khác đều còn có sai quấy, như thế gọi là Minh hạnh túc.

Lại có danh hiệu Tu-già-đa (sugata-Thiện Thệ). Tu (Su) Tần dịch là khéo; Già-đa (gata) hoặc nói là đi, hoặc là thuyết. Ấy là khéo đi, khéo thuyết. Khéo đi qua là đi trong các Tam-ma-đề sâu xa và vô lượng đại trí tuệ, như kệ nói:

*Phật lấy Nhất thiết trí làm xe,*

*Đi đường Bát Chánh vào Niết-bàn.*

*Vì vậy gọi là khéo đi (Tu-già-đa)*

Khéo thuyết là như thật tướng các pháp mà thuyết, không vì ưa đắm pháp mà thuyết, quán sát trí tuệ lực của đệ tử: Người ấy dù đem tất cả phương tiện thân thông trí lực mà hóa cũng không độ được; còn người ấy độ được, người ấy mau, người ấy chậm, người ấy nên ở chỗ ấy độ, người ấy nên thuyết về bố thí, hoặc thuyết về trì giới, hoặc thuyết về Niết-bàn; người ấy nên thuyết về Năm uẩn (ngũ chúng), Mười hai Nhân duyên, các pháp Tứ đế thì có thể đưa họ vào đạo. Biết các loại trí lực của đệ tử như vậy mà vì họ thuyết pháp; ấy gọi là khéo thuyết.

Lại có danh hiệu Lô-ca-bị (Lokavid – Thế gian giải). Lô-ca (Loka), Tần dịch là thế gian; Bị (vid) dịch là Tri. Lô-ca-bị là Tri Thế Gian.

Hỏi: Thế nào là Tri thế gian?

Đáp: Biết hai thứ thế gian: Một là chúng sanh, hai là phi chúng sanh. Và đúng như thật tướng biết thế gian, nhân của thế gian, sự diệt tận của thế gian, đạo xuất ly thế gian.

Lại nữa, biết thế gian không phải như thế tục biết, cũng không như ngoại đạo biết. Biết thế gian vì vô thường nên khổ, vì khổ nên vô ngã.

Lại nữa, biết thế gian phi hữu thường, phi vô thường, phi hữu biên, phi vô biên, phi khứ, phi bất khứ, cũng không đắm trước những tướng như vậy, tướng thanh tịnh, thường, bất hoại, như hư không, ấy gọi là Biết thế gian.

Lại có danh hiệu là A-nậu-đa-la (Anutara). Tần dịch là Vô thượng.

Hỏi: Thế nào là Vô thượng?

Đáp: Pháp Niết-bàn là Vô thượng, Phật tự biết Niết-bàn ấy, không phải nghe từ người khác, cũng dắt dẫn chúng sanh khiến đi đến Niết-bàn. Như trong các Pháp, Niết-bàn là Vô thượng, thời trong chúng sanh, Phật cũng vô thượng.

Lại nữa, công đức trì giới, thiền định, trí tuệ, giáo hóa chúng sanh, hết thấy không có ai bằng, huống là hơn được, cho nên gọi là Vô thượng.

Lại nữa, A là không; Nậu-đa-la là trả lời. Hết thấy pháp ngoại đạo có thể trả lời, có thể phá hủy, vì nó không phải thật, không phải thanh tịnh. Còn Phật pháp không thể trả lời, không thể phá hủy; vì nó ra ngoài con đường nói năng, cũng là thật, là thanh tịnh. Do đó nên gọi là không trả lời.

Lại có danh hiệu là Phú-lâu-sa Đàm-miêu Bà-la-đề (Purasada-mysàrathi). Phú-lâu-sa, Tần dịch là Trượng phu; Đàm-miêu dịch là có

thể giáo hóa, Bà-la-đề dịch là Điều ngự sư. Ấy gọi là Đấng Thầy Điều ngự của những người có thể giáo hóa (Điều ngự trưởng phu). Phật đem đại từ đại trí, có khi nói lời êm dịu, có khi nói lời khắc khổ, có khi nói lời chi li, lấy đó điều phục chế ngự khiến không mất Chánh đạo, như kệ nói:

*Phật pháp là xe, đệ tử ngựa,  
Bảo chủ thật pháp, Điều ngự Phật,  
Nếu ngựa vượt ra ngoài lối chánh,  
Thì sẽ sửa trị khiến điều phục.  
Nếu nhỏ không điều, pháp nhẹ trị,  
Khéo léo thành lập làm thượng đạo,  
Nếu không trị được thì vứt bỏ,  
Do vậy Điều Ngự là Vô thượng.*

Lại nữa, Điều Ngự Sư có năm thứ: 1- Trước hết là pháp sửa trị của cha mẹ, anh chị, bà con. 2- Thứ đến là phép của quan. 3- Dưới hết là phép của Thầy. Đó là ba thứ sửa trị trong thời hiện tại. 4- Đời sau thì có Diêm la vương trị. 5- Phật thì dạy sự lợi ích an lạc cho đời này, đời sau và Niết-bàn. Thế nên gọi là Điều Ngự Sư.

Bốn pháp xử trị người trên kia không bao lâu tất hủy hoại, không thể thường có kết quả thật sự. Phật thành đạt cho người với ba thứ đạo, thường theo đạo, không bỏ. Như lửa không bỏ tự tướng của nó cho đến khi tắt. Phật làm cho người được thiện pháp cũng vậy, đến chết không bỏ; vì vậy cho nên Phật có hiệu là Điều Ngự Trưởng Phu.

Hỏi: Đối với nữ nhân Phật cũng giáo hóa cho được đạo, sao chỉ nói Trưởng Phu (nam giới)?

Đáp: Vì người nam là tôn quý, người nữ thì thấp hèn; vì người nữ theo người nam. Và vì người nam là chủ sự nghiệp.

Lại nữa, người nữ có điều chướng ngại là không được làm Chuyển luân Thánh vương, Đế Thích thiên vương, Ma thiên vương, Phạm thiên vương và Phật pháp vương; vì vậy nên Phật không nói.

Lại nữa, nếu nói Phật là Đấng Điều Ngự Sư của nữ nhân thì không tôn trọng, nếu nói của Trưởng phu thì gồm hết tất cả. Cũng như vua đến thì không đến một mình, chần chẫn có người tùy tùng. Như vậy, nói trưởng phu gồm hết cả người hai căn, không căn và nữ nhân trong đó; vì vậy, nên nói là trưởng phu.

Bởi nhân duyên ấy nên Phật là Điều Ngự Trưởng Phu.

Lại có danh hiệu Xá-đa Đề-bà Ma-nậu-xá-nẫm (Sàtadevamanusanàm). Xá-đa (Sàtà) là Giáo sư, Đề-bà là Thiên (trời), Ma-nậu-xá-

nằm (Manusyanam) là Nhân (người). Ấy là Thiên Nhân sư.

Sao gọi là Thiên Nhân sư? Phật dạy việc ấy nên làm, việc ấy không nên làm, việc ấy thiện, việc ấy bất thiện, và chúng sanh theo lời dạy mà làm, không bỏ đạo pháp, được quả báo là giải thoát phiền não. Ấy gọi là Thiên Nhân sư.

Hỏi: Phật có thể hóa độ Rồng, Quỷ, thần và các chúng sanh trong các đạo, sao chỉ nói là Thiên Nhân sư?

Đáp: Độ các loài khác thì ít, độ hàng Thiên nhân thì nhiều. Ví như người da trắng, có nốt ruồi đen mà không gọi người da đen, vì đen ít.

Lại nữa, trong các loài, loài người kiết sử mỏng, tâm nhằm chán dễ sanh, trong loài trời trí tuệ lanh lợi, vì vậy hai nơi ấy dễ đắc đạo; còn trong các loài khác không được như thế.

Lại nữa, nói Thiên là gồm luôn các loài ở trên Trời, nói nhân là gồm luôn các loài sanh sống ở quả đất. Vì sao? Vì trên Trời thì Trời lớn hơn cả, trên quả đất thì người lớn hơn cả. Do đó nói Thiên là gồm hết loài trên Trời, nói nhân là gồm hết loài trên đất.

Lại nữa, trong loài người có được thọ giới luật nghi, kiến đế đạo (kiến đạo), tư duy đạo (tu đạo) và các đạo quả. Hoặc có người nói, trong các loài khác không có được, hoặc có người nói có được nhiều ít; còn trong hàng Thiên nhân thì dễ được, nhiều người được. Do vậy, gọi Phật là Thiên nhân sư.

Lại nữa, ở trong loài người tạo nhân vui nhiều, ở trong loài Trời hưởng quả báo vui nhiều. Thiện pháp là nhân vui, vui là quả báo của thiện pháp. Trong các loài khác, nhân và báo vui đều ít. Do vậy, Phật là Thiên nhân sư.

Lại có danh hiệu Phật-đà (Buddha). Tồn dịch là Tri giả. Biết những pháp gì? Biết quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc chúng sanh, không thuộc chúng sanh, hữu thường, vô thường. Hết thấy các pháp, tại dưới cội Bồ đề, giác tri rõ ràng, cho nên gọi là Phật-đà.

Hỏi: Người khác cũng biết được hết thấy các pháp, như Trời Ma-hê-thủ-la (Mahésvara), Tồn dịch là Đại Tự tại, có tám tay, ba mắt, cỡi Bồ trắng. Như trời Vĩ-nữu (Visnu), Tồn dịch là Biến văn, có bốn tay, cầm Tù-và (sankha), nắm bánh xe (cakra), cỡi Chim Kim-sí. Như trời Cưu-ma-la (kumara), Tồn dịch là Đồng tử, tay đưa cao con gà, cầm linh, nắm phan đỏ, cỡi chim Khổng tước, đều là đại tướng của chư Thiên. Các vị trời như vậy đều gọi là “Đại”, đều xưng là Nhất thiết trí. Có người theo làm đệ tử, học kinh sách và lãnh thọ giáo pháp của họ, nói đó là Nhất thiết trí?



Đáp: Đó không đáng gọi là Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tâm còn dính vào sân nhuế, kiêu mạn, như kệ:

*Hoặc thấy hình vẽ, hoặc tượng đất,  
Nghe trong kinh hoặc nghe khen.  
Bốn loại chư Thiên như thế ấy,  
Mỗi mỗi tay cầm các binh khí,  
Ai sức không bằng phải sợ hãi,  
Ai tâm bất thiện phải sợ hãi,  
Trời ấy chắc chắn làm người sợ,  
Nếu người sức kém thì cũng sợ,  
Đối trời ấy, hết thấy thường sợ,  
Không thể trừ khử các khổ nạn.  
Người nào phụng sự hoặc cung kính,  
Đời nay không khỏi chìm biển khổ.  
Hoặc người không cung kính cúng dường,  
Đời nay chẳng ngại hưởng giàu vui.  
Nên biết đó là giả dối, không thật,  
Thế nên kẻ trí không theo Trời.  
Bởi các chúng sanh trong thế gian,  
Theo nghiệp nhân duyên mà luân hồi,  
Nhờ duyên phước đức sanh thiên thượng,  
Tạo nghiệp nhân duyên sanh loài người,  
Thế gian hành nghiệp thuộc nhân duyên,  
Thế nên kẻ trí không theo Trời.*

Lại nữa, ba vị trời ấy, thương ai thì muốn cho người đó mãn nguyện tất cả, ghét ai thì muốn cho họ bầy đời tiêu diệt. Phật không như vậy. Lúc làm Bồ-tát, nếu gặp oan gia, giặc đến muốn giết, còn tự đem thân, thịt, đầu, mắt, tủy não mà cho, hà huống là khi đã thành Phật. Nên chỉ có Phật mới có danh hiệu Phật-đà, vậy phải nên quy y Phật, lấy Phật làm Thầy, không nên thờ Trời.

Lại nữa, Phật có hai sự: Một là sức đại công đức thần thông, hai là tâm thanh tịnh bậc nhất, các kiết sử dứt bặt. Chư Thiên tuy có thần lực phước đức, mà vì kiết sử chẳng dứt, nên tâm không thanh tịnh, tâm không thanh tịnh, nên thần lực cũng ít, Thanh văn, Bích Chi Phật, tuy kiết sử đã dứt, tâm khéo thanh tịnh, nhưng vì phước đức mỏng, nên lực thể ít. Phật đầy đủ cả hai thứ nên hơn hết mọi người, các người khác không được như vậy nên gọi là Vô thượng sĩ (Sarvanàtamà).

Bà-già-bà (Bhagavat) là có đức (Hữu đức) như trước đã nói.

Lại có danh hiệu là A-ta-ma (Atamà - Tần dịch là Vô đẳng).

Lại có danh hiệu là Abàma bamà (Tần dịch là Vô đẳng đẳng).

Lại có danh hiệu Lộ-ca-na-tha (Lokanàtha - Tần dịch là Thế Tôn).

Lại có danh hiệu Bà-la-già (Panaga - Tần dịch là Độ bỉ ngạn).

Lại có danh hiệu Bà-đàn-đà (Bhadamta - Tần dịch là Đại đức).

Lại có danh hiệu Thi-lê-già-na (Sriguna - Tần dịch là Hậu đức).

Như vậy ... có vô lượng danh hiệu.

Tên cha mẹ đặt là Tất-đạt-đa (Siddhata - Tần dịch là Thành lợi).

Khi đắc đạo, biết hết thấy các Pháp, nên gọi là Phật, bậc xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của chư Thiên và người đời, như vậy gọi là Đại đức, Hậu đức.

Như vậy, tùy theo mỗi đức mà lập danh hiệu.

Hỏi: Vì ông ưa thích Tất-đạt-đa con vua Tịnh-phạn (Suddhodana) dòng Sát-đế-lợi (Ksatriya) nên dùng lời xưng tán là Nhất thiết trí, chứ thật không có ai là đáng Nhất thiết trí, đúng không?

Đáp: Không phải vậy, người nói lời ấy là tà tâm, ghen ghét Phật nên vọng ngữ như vậy. Thật sự có đáng Nhất thiết trí. Vì sao? Đối với hết thấy chúng sanh, Phật có thân sắc, nhan mạo đoan chánh, không thể bì được: Tướng (Laksana), Đức (Guna) và Minh (Alaka) đầy đủ hơn hết thấy mọi người. Tiểu nhân thấy thân tướng Phật cũng biết đó là đáng Nhất thiết trí, hưởng gì đại nhân? Như trong Kinh Phóng Ngưu Thí dụ nói: “Quốc vương xứ Ma-già-đà (Magadha) là Tần-bà-ta-la (Bimbisàra) thỉnh Phật và năm trăm đệ tử trong ba tháng. Vua cần sữa tươi để cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng nên mới gọi những người chăn trâu đến ở nơi đó, ngày ngày mang sữa tươi đến. Sau ba tháng, Vua cảm thương những người chăn trâu ấy nên bảo: “Các người đến hầu Phật rồi trở về chăn trâu lại”.

Các người chăn trâu đi đến chỗ Phật, ở giữa đường cùng nhau bàn: “Chúng ta nghe nói Phật là Đấng Nhất thiết trí, bọn ta là hàng tiểu nhân hạ liệt, làm sao biết được Ngài là Nhất thiết trí hay không?”.

Các Bà-la-môn ưa uống sữa thường qua lại chỗ các người chăn trâu nên họ thân thiện nhau. Những người chăn trâu do đó được nghe danh hiệu về các kinh sách của Bà-la-môn, nên nói với nhau: “Phương pháp trị bệnh, phương pháp chiến đấu, phương pháp xem tinh tú, phương pháp tế trời, ca múa, phương pháp luận nghị, nạn vấn v.v...sáu mươi bốn thứ kỹ nghệ thế gian ấy, con vua Tịnh-phạn học rộng nghe nhiều, thì biết những việc ấy không khó, nhưng mà từ khi sanh đến nay, không hề chăn

trâu, vậy chúng ta hãy lấy bí pháp chặn trâu để hỏi, nếu giải đáp được thì mới thật là bậc Nhất thiết trí”.

Bàn như vậy xong, họ cùng nhau vào vườn Trúc (Venuvana), thấy ánh sáng của Phật chiếu khắp rừng, tiến tới trước tìm Phật; thấy Phật ngồi dưới cây, trạng tợ núi vàng, như sữa tươi rót vào lửa, chói rực sáng ngời, hoặc tợ như vàng ròng rải khắp trong vườn Trúc, màu vàng rực rỡ trông không biết chán, tâm rất hoan hỷ, cùng nhau nói:

*Nay, Thích Sư tử này  
Có Nhất thiết trí không?  
Trông thấy đều vui mừng,  
Việc ấy cũng đủ rồi,  
Quang minh sáng bậc nhất,  
Nhan mạo rất quý trọng.  
Thân tướng uy đức đủ,  
Tương xứng danh hiệu Phật.  
Tướng, tướng đều phân minh,  
Uy thân cũng đầy đủ,  
Phúc đức tự rạng rỡ,  
Ai thấy cũng ái kính.  
Thân ở trong vòng sáng,  
Người xem không hề chán.  
Nếu có Nhất thiết trí,  
Tất có công đức ấy.  
Hết thấy các màu vẽ,  
Tượng châu báu trang nghiêm,  
Muốn sánh diệu thân này,  
Không thể nào sánh được.  
Làm thỏa mãn người xem,  
Khiến được vui bậc nhất,  
Thấy rồi sanh tịnh tín,  
Tức là Nhất thiết trí.*

Suy nghĩ như vậy xong, họ lễ Phật rồi ngồi xuống, hỏi Phật: “Người chặn trâu có mấy điều thành tựu để cho cho bầy trâu nhiều thêm và an ổn? Có mấy điều không thành tựu, khiến bầy trâu không thêm, không an ổn?” Phật đáp: “Có mười một điều để người chặn trâu làm cho bầy trâu nhiều thêm và an ổn. Những gì là mười một? Đó là biết sắc, biết tướng, biết mổ xẻ, biết che vết thương, biết hun khói, biết đường đi tốt, biết chỗ trâu thích hợp, biết khéo đưa qua sông, biết chỗ an ổn, biết giữ sữa, biết

nuôi trâu chúa. Nếu người chăn trâu biết mười một điều này thì có thể làm cho bầy trâu thêm nhiều và an ổn. Tỳ-kheo cũng như thế, biết mười một pháp thì có thể làm cho thiện pháp tăng trưởng.

Sao gọi là biết sắc? Là biết sắc đen, sắc trắng, tạp sắc. Tỳ-kheo cũng như thế, biết tất cả sắc đều là tứ đại và tứ đại sở tạo.

Sao gọi là biết tướng? Là biết trâu có tướng tốt hay không có tướng tốt, khi hợp với bầy trâu khác nhân vào tướng mà biết. Tỳ-kheo cũng vậy, thấy tướng thiện nghiệp biết là người trí, thấy tướng ác nghiệp biết là người ngu.

Sao gọi là biết mổ xẻ? Trâu bị các loại trùng hút máu thì vết thương lở ra, mổ xẻ thì trừ hại, thì vui tươi. Tỳ-kheo cũng như vậy, bị trùng giác quán ác tà hút máu thiện căn, tăng trưởng vết thương lòng, trừ bỏ thì được an ổn.

Sao gọi là biết che vết thương? Là biết lấy vải, cỏ, lá để ngăn ngừa muỗi mòng chích đốt. Tỳ-kheo cũng như vậy, lấy pháp chánh quán để che vết thương sáu căn không để bị các ác trùng phiền não tham dục, sân nhuế châm chích, làm tổn thương.

Sao gọi là biết hun khói? Hun khói là để trừ muỗi mòng, trâu ở xa nhìn thấy khói thì nhắm theo mà về nhà. Tỳ-kheo cũng như vậy, đứng như điều được nghe mà thuyết để trừ các muỗi mòng kiết sử. Dùng khói thuyết pháp để dắt dẫn chúng sanh đi vào nhà thật tướng không, vô ngã.

Sao gọi là biết đường đi? Biết con đường trâu đi về tốt hay xấu. Tỳ-kheo cũng như vậy, biết tám Thánh đạo có thể đưa đến Niết-bàn, là con đường ác đoạn và thường.

Sao gọi là biết chỗ trâu thích hợp? Là biết làm cho trâu sinh sôi, an ổn, ít bệnh. Tỳ-kheo cũng như vậy, lúc thuyết Phật pháp, được pháp hỷ thanh tịnh, các thiện căn tăng thịnh.

Sao gọi là biết đưa qua sông? Biết chỗ dễ vào dễ qua không sóng dữ, trùng độc. Tỳ-kheo cũng như vậy, hay đến chỗ Tỳ-kheo đa văn hỏi pháp, biết thuyết pháp biết rõ người nghe lợi căn hay độn căn, phiền não nhẹ hay nặng, khiến họ khéo léo sang bờ, qua được an ổn.

Sao gọi là biết chỗ an ổn? Biết chỗ ở không có cạp, beo, sư tử, ác trùng, độc thú. Tỳ-kheo cũng như vậy, biết Bốn Niệm xứ là an ổn không có ác ma, độc thú, phiền não, Tỳ-kheo vào đó thời không hoạn nạn.

Sao gọi là biết giữ sữa? Trâu mẹ yêu mến trâu con nên cho sữa. Vì sữa lưu lại một phần nên trâu mẹ vui mừng, vì sữa tiếp nối không khô kiệt, chủ trâu và người chăn trâu hằng ngày có ích. Tỳ-kheo cũng như

vậy, hàng cư sĩ áo trắng cấp thí áo mặc, thức ăn, nên biết lượng, không khiến khánh kiệt, thời Đản việt hoan hỷ, tín tâm không dứt, người thọ nhận được đầy đủ không thiếu.

Sao gọi là biết nuôi trâu chúa? Bảo hộ trâu đực lớn, vì nó giữ gìn đàn trâu, nên phải nuôi nấng không để ốm gầy, cho uống dầu mè, trang sức bằng anh lạc, ra dấu hiệu với cái tù-và sắt, biết kỳ cọ, khen ngợi v.v... Tỳ-kheo cũng như vậy. Trong chúng Tăng có bậc đại nhân uy đức, hộ trì lợi ích Phật pháp, hàng phục ngoại đạo, hay khiến tám chúng gieo trồng các thiện căn, thì nên tùy chỗ cần dùng của bậc ấy mà cung kính cúng dường.”

Các người chăn trâu nghe nói như thế rồi, suy nghĩ: “Bọn người chăn trâu chúng ta biết được không quá ba, bốn việc, các ông thầy của chăn trâu biết nhiều hơn nữa cũng không quá năm, sáu việc”. Nay nghe như vậy tán thán là chưa từng có: “Nếu biết được việc này, thì các việc khác cũng thế. Thật là bậc Nhất thiết trí, không còn nghi ngờ gì nữa!”

Như trong kinh ấy nói rộng, vì thế nên biết có bậc Nhất thiết trí.

Hỏi: Thế gian đúng ra không có bậc Nhất thiết trí. Vì sao? Vì không ai thấy bậc Nhất thiết trí?

Đáp: Không phải như vậy. Không thấy có hai cách, không thể vì không thấy mà nói không có: Một là, việc thật có, vì nhân duyên che lấp mà không thấy. Cũng như dòng họ ban sơ của người, cân nặng của núi tuyết, hay sỏi cát bên bờ sông Hằng, thật có mà không thể biết. Hai là thật không có nên không thấy; như cái đầu thứ hai, cánh tay thứ ba của một người, không có nhân duyên che lấp mà vẫn không thể thấy. Cũng thế, bậc Nhất thiết trí ấy vì nhân duyên che lấp mà người không thấy, chứ không phải không có bậc Nhất thiết trí. Nhân duyên che lấp ấy là những gì? Là chưa có được bốn tín tâm, đấm trước tà kiến. Người vì nhân duyên ấy che lấp nên không thấy bậc Nhất thiết trí.

Hỏi: Vì những điều để biết thì vô lượng, nên không có bậc Nhất thiết trí. Các pháp vô lượng vô biên, nhiều người hợp lại còn không biết nổi, huống chi một người; vì vậy không có bậc Nhất thiết trí?.

Đáp: Như các pháp vô lượng, trí tuệ cũng vô lượng vô số vô biên. Như cái hộp to thì cái nắp cũng to, hộp nhỏ thì nắp cũng nhỏ.

Hỏi: Phật chỉ tự thuyết Phật pháp, không thuyết các kinh khác như phương thuốc, tinh tú, toán số, sách vở thế gian, những pháp như thế, nếu là bậc Nhất thiết trí, tại sao không thuyết? Vì thế nên biết là chẳng phải bậc Nhất thiết trí?

Đáp: Tuy Phật biết hết thủy pháp, nhưng có cần dùng mới nói,

không cần dùng không nói. Có người hỏi mới nói, không hỏi không nói.

Lại nữa, hết thủy pháp lược có ba thứ: Một là pháp hữu vi, hai là pháp vô vi, ba là pháp không thể nói. Ba thứ đó gồm hết thủy pháp.

Hỏi: Có mười bốn nạn vấn mà Phật không đáp, nên biết không phải là bậc Nhất thiết trí. Mười bốn nạn vấn là những gì? Là: (1- 4) Thế giới và ngã là thường, hay vô thường? Hay cũng thường cũng vô thường? Hay chẳng phải thường chẳng phải vô thường? (5-8) Thế giới và ngã có biên giới hay không có biên giới? Vừa cũng có biên giới cũng không biên giới? Vừa chẳng phải có biên giới chẳng phải không biên giới? (9-12) Sau khi chết có linh hồn đi đến đời sau hay không có linh hồn đi đến đời sau? Hay cũng có linh hồn cũng không linh hồn đi đến đời sau? Hay cũng chẳng phải có linh hồn chẳng phải không linh hồn đi đến đời sau? (13-14) Thân là linh hồn? Hay thân khác linh hồn? Nếu Phật là bậc Nhất thiết trí, thì vì sao không đáp mười bốn nạn vấn này?

Đáp: Việc ấy không thật nên không đáp. Các pháp là thường, không có lẽ đó. Các pháp là đoạn diệt, cũng không có lẽ đó; vì vậy nên Phật không đáp. Ví như có người hỏi vắt sừng trâu thì được mấy đấu sữa. Đó không phải là câu hỏi nên không cần đáp.

Lại nữa, thế giới vô cùng như bánh xe, không đầu không cuối.

Lại nữa, đáp vấn nạn ấy, không có lợi mà có hại, là rơi vào tà ác. Phật biết mười bốn nạn vấn ấy che lấp Tứ đế, che lấp Thật tướng các pháp. Như chỗ đi qua có ác thú, không nên dẫn người đi qua; chỗ an ổn không hoạn nạn, có thể chỉ cho người qua.

Lại nữa, có người nói việc ấy không phải là bậc Nhất thiết trí thì không thể hiểu. Vì người không thể hiểu nên Phật không đáp.

Lại nữa, nếu người, việc không nói có, việc có nói không, ấy gọi là không phải bậc Nhất thiết trí, bậc Nhất thiết trí thì việc có nói có, việc không nói không. Đức Phật, việc có chẳng nói không, việc không chẳng nói có, chỉ nói thật tướng các pháp, sao lại không gọi bậc Nhất thiết trí? Ví như mặt trời, bình đẳng chiếu khắp, không tạo nên chỗ cao thấp, cũng không tạo nên bình địa. Phật cũng như thế, không khiến cho có làm thành không, không làm thành có, mà thường nói về trí tuệ chơn thật chiếu soi các pháp. Như có một đạo nhân hỏi Phật: “Mười hai Nhân duyên do Phật làm hay do người khác làm?” Phật nói: “Ta không làm Mười hai Nhân duyên, người khác cũng không làm”. Dù có Phật hay không có Phật, thì sanh vẫn làm Nhân duyên cho già chết, pháp ấy quyết định thường trú. Phật thường nói sanh làm Nhân duyên cho già chết, cho đến Vô minh làm nhân duyên cho các Hành.

Lại nữa, trong mười bốn nạn vấn, nếu trả lời thì sai lầm. Như có người hỏi đứa con của người lại cái, của cô gái đá là cao hay thấp, đẹp hay xấu? Điều đó không nên trả lời, vì không có đứa con ấy.

Lại nữa, mười bốn nạn vấn ấy là tà kiến không chân thật. Phật chỉ nói những gì chân thật, nên bỏ qua không đáp.

Lại nữa, bỏ qua không đáp tức là đáp. Có bốn cách đáp: Một là quyết định đáp, như nói Phật là an ổn bậc nhất trong Niết-bàn. Hai là giải nghĩa đáp. Ba là đáp bằng cách hỏi trở lại. Bốn là bỏ qua không đáp. Ông nói “Không có bậc Nhất thiết trí” có lời ấy nhưng vô nghĩa, ấy là đại vọng ngữ. Thật có bậc Nhất thiết trí. Vì sao? Vì đã được chứng mười lực như: Vì biết đầy là xứ hay phi xứ, vì biết nhân duyên quả báo, vì biết các thiên định giải thoát, vì biết căn thiện ác của chúng sanh, vì biết các thứ lạc dục, trí giải, vì biết đủ thứ vô lượng tánh của thế gian, vì biết hết thủy trí xứ của đạo, vì biết nhớ rõ hành xứ của đời trước, vì được thiên nhãn phân minh, vì biết hết thủy lậu tận, vì biết phân biệt tịnh và bất tịnh, vì thuyết thượng pháp trong hết thủy thế giới, vì được vị cam lồ, vì được trung đạo, vì biết thật tướng của hết thủy pháp hữu vi, vô vi, vì vĩnh viễn xa lìa tham dục của ba cõi. Do các nhân duyên như thế nên Phật là bậc Nhất thiết trí.

Hỏi: Có bậc Nhất thiết trí, ai là người ấy?

Đáp: Đó là bậc Đệ nhất đại nhân (Mahapurusa), là đấng Tam giới tôn (Trailoky-yajyestha) hiệu là Phật, như kệ tán Phật:

*Chuyển luân vương đánh sanh,  
Như mặt trời, trăng, đèn.  
Dòng quý tộc Thích ca,  
Thái tử vua Tịnh-phạn.  
Khi sanh động ba ngàn,  
Tu-di và nước biển,  
Vì phá già, bệnh, chết,  
Thương xót nên ra đời.  
Sanh ra đi bảy bước,  
Ánh sáng khắp mười phương,  
Nhìn bốn phương, nói lớn:  
Ta sanh, thai phần hết,  
Thành Phật thuyết diệu pháp,  
Tiếng lớn gióng trống pháp,  
Để giác tỉnh chúng sanh,  
Đời ngủ say vô minh.*

Việc hy hữu xuất hiện,  
Đủ các thứ như vậy,  
Chư Thiên và người đời,  
Thấy rồi đều hoan hỷ.  
Tướng thân Phật trang nghiêm,  
Mặt như trăng rằm sáng,  
Hết thấy nam hoặc nữ,  
Nhìn thấy không biết chán.  
Sanh thân nhờ bú mớm,  
Mạnh hơn vạn voi chúa,  
Sức thần túc vô lượng,  
Sức trí tuệ vô lượng.  
Thân Phật tỏa sáng lớn,  
Soi sáng quanh thân Phật,  
Phật ở giữa ánh sáng,  
Như trăng giữa ánh sáng.  
Bị các thứ ác chê,  
Phật cũng không tưởng ác,  
Được các thứ xưng tán,  
Phật cũng không tưởng vui.  
Đại Từ xem chúng sanh,  
Oán thân đều như nhau,  
Hết thấy loài hữu thức,  
Đều biết rõ việc này.  
Sức nhẫn nhục từ bi,  
Nên thắng hết tất cả,  
Vì độ thoát chúng sanh,  
Đời đời chịu cần khổ.  
Mà tâm thường nhất định,  
Vì chúng làm lợi ích,  
Trí tuệ lực có mười,  
Vô úy lực có bốn.  
Bất cộng có mười tám,  
Kho công đức vô lượng,  
Có vô số như vậy,  
Công đức lực hy hữu.  
Như Sư tử vô úy,  
Phá pháp của ngoại đạo,



---

*Chuyển pháp luân vô thượng, Độ thoát hết ba  
cõi.*

Ấy gọi là Bà-già-bà. Nghĩa của Bà-già-bà vô lượng, nếu nói rộng nữa thì sẽ bỏ  
việc khác, cho nên nói lược.

